TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2024/QĐST-HNGĐ	*Quảng Yên, ngày 04 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 73/2024/TLDS-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa:

* Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981

Nơi thường trú: khu A, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

* Bị đơn: anh Vũ Đình H, sinh năm 1971

Nơi thường trú: khu Đ, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sự dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đình H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đình H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đình H có 03 (Ba) con chung là: Vũ Đình Quốc B, sinh ngày 10/11/1999; Vũ Phương A, sinh ngày 16/05/2007 và Vũ Đình Huy H1, sinh ngày 24/07/2013. Khi ly hôn, chị T và anh H thống nhất: anh Vũ Đình H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Vũ Phương A và Vũ Đình Huy H1 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; Con chung Vũ Đình Quốc B đã trưởng thành, anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003932 ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, trả lại chị Nguyễn Thị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã Quảng Yên;
- Chi cục THADS thị xã Quảng Yên;
- UBND phường Hà An;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Huy